TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22/5/2020
"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào Vi
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Tôn Nữ Quỳnh Tương;
2. Bà Trần Thị Thanh Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế (Số 60 đường Nguyễn Huệ, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 354/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020; Quyết định hoãn phiên toà số 81/2020/ QĐST-HNGĐ ngày 11/5/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ma Thị Kim A, sinh năm 1972; Địa chỉ: 28/69/131 T, P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

Bị đơn: Anh Lê Xuân T, sinh năm 1970; Địa chỉ: 28/69/131 T, P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/04/2018, biên bản ghi lời khai ngày 10/7/2019 và ngày 13/11/2019 của chị Ma Thị Kim A và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của chị Ma Thị Kim A tại phiên tòa đã xác định như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị Kim A và anh Lê Xuân T tự nguyện kết hôn, đăng ký ngày 25/4/1991 tại Ủy ban nhân dân phường Phước Vĩnh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, quyển số 02, số 844. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được hai năm đầu. Từ năm 1994, khi các con chung còn nhỏ thì vợ chồng đã không còn hạnh phúc mà thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng chồng bất đồng quan điểm sống, anh T ghen vô cớ,

bạo lực và cờ bạc nên gia đình thường xảy ra xung đột to tiếng, để tránh bị đánh đập từ năm 2018 cho đến nay chị Kim A ra ở riêng với người thân của mình và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Kim A xin được ly hôn với anh Lê Xuân T.

-Về con chung: Chị Ma Thị Kim A xác nhận, vợ chồng có ba con chung tên là Lê Mai Thanh T, sinh ngày 09/01/1993, Lê Đức T, sinh ngày 21/4/1994, Lê Mai Đoan T, sinh ngày 19/12/1999. Hiện nay cả ba con chung đều đã trưởng thành và ở tại nhà của vợ chồng tại 28/69/131 T, P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, ông Lê Xuân T cũng đang ở tại nhà này. Về vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng chị Ma Thị Kim A không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Ma Thị kim A không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Ma Thị Kim A xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Qúa trình giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần tống đạt các giấy tờ, tài liệu để anh Lê Xuân T thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhưng anh T vẫn vắng mặt nên không có lời khai của anh T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đều chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, không có kiến nghị gì cần khắc phục. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Huế đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Ma Thị Kim A xử cho chị Kim A được ly hôn với anh Lê Xuân T.

Về việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng con chung: Do các con chung của vợ chồng đã trưởng thành, chị Ma Thị Kim A không yêu cầu Toà án giải quyết.

-Về tài sản chung: Chị Ma Thị Kim A không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Ma Thị Kim A xác nhận không có và không yêu cầu Toà án giải quyết nên không giải quyết; Buộc chị Ma Thị Kim A phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Lê Xuân T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị Kim A và anh Lê Xuân T chung sống với nhau, đã thực hiện đầy đủ các thủ tục về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam, nên được công nhận hôn nhân hợp pháp.

Xét về yêu cầu ly hôn của chị Ma Thị Kim A, thấy rằng: Theo kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ, lời khai của chị Kim A, quá trình Tòa án điều tra, xác minh thu thập chứng cứ, có cơ sở xác định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do anh T hay ghen vô cớ, đánh đập chị Kim A dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn và chị Kim A, anh T đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Từ khi chị Kim A có đơn xin ly hôn, phía Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải để anh Lê Xuân T trình bày ý kiến theo yêu cầu khởi kiện của chị Kim A, nhằm mục đích hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng nhưng anh T không đến, chứng tỏ anh T đã bỏ mặc hôn nhân của mình và coi thường pháp luật. Nhận thấy vợ chồng chị Kim A, anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận xử cho chị Kim A được ly hôn với anh T là phù hợp pháp luật.

[3] Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Hiện tại các con chung của chị Ma Thị Kim A và anh Lê Xuân T đã trưởng thành, chị Kim A không đề nghị Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Ma Thị Kim A không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ chung: Chị Ma Thị kim A xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ma Thị Kim A được ly hôn với anh Lê Xuân T; Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Ma Thị Kim A chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số: AA/2013/008625 ngày 10 tháng 6 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế; chị Kim A đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- CCTHADS thành phố Huế;
- UBND phường Phước Vĩnh, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA;
- Lưu án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Đào Vi